TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 11-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Trần Thị Thi Thơ

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Nguyễn Đức Khánh, nghề nghiệp: Cán bộ; nơi công tác: Ban tổ chức Huyện ủy Nghĩa Hành.

+ Ông Nguyễn Trần Thương; nghề nghiệp: Cán bộ; nơi công tác: Huyện Đoàn Nghĩa Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST-HS, ngày 04/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS, ngày 24/10/2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2019/TB-TA ngày 05/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Lê Minh T,** sinh ngày 24 tháng 5 năm 2003 tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị Minh C và con ông (không xác định); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 13/8/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Lê Minh T là bà Bùi Thị Thuyết Anh – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Bà Anh có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T là bà Trần Thị Minh C, sinh năm 1954 (mẹ đẻ của bị cáo). Bà C có mặt.

Trú tại: Thôn E, xã R, huyện Q, Quảng Ngãi

- **Bị hại**: Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1993. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn Y, xã U, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Nguyễn Đ, sinh năm 1989. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn P, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/06/2019, **Trần Lê Minh T** (Sinh ngày 24/05/2003, trú tại: thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi) cùng với Nguyễn Trường S (Sinh năm 2001, trú cùng thôn), Nguyễn C1 (Sinh năm 1997) và Nguyễn Đăng V (Sinh năm 1999) cùng trú tại: thôn P, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi ngồi uống bia tại F thuộc thôn G, xã U, huyện Q. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Trần Lê Minh T đến tiệm tạp hóa "A" ở thôn G để mua đá lạnh và thuốc lá. Trong lúc mua hàng, do T trả dư tiền nên chị Lê Thị Thanh T1 (sinh năm 1993, ở thôn Y, xã U) – là người bán hàng tại tiệm tạp hóa quay vào nhà để lấy tiền thối cho T. T quan sát nhìn thấy chị T1 để điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen trên võng gần đó. Lợi dụng lúc không có ai, T lấy chiếc điện thoại trên và cất giữ trong túi quần. Sau khi nhận tiền thối từ chị T1 thì T tiếp tục quay lại F để chơi với bạn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T liên lạc với Nguyễn Đ (Sinh năm 1989, trú tại: thôn P, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi) qua trang mạng xã hội Facebook với mục đích muốn bán điện thoại trên cho Đ. Sau đó, Đ đã lên nhà, chở T đến một quán cafe ở Thành phố Quảng Ngãi và mua điện thoại trên với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Bán xong điện thoại, T gọi xe taxi đi về nhà ở thôn E, xã R và trả tiền cho tài xế xe taxi hết 200.000 đồng, còn số tiền 800.000 đồng còn lại, T khai đưa cho mẹ là bà Trần Thị Minh C (Sinh năm 1954) và nói tiền này xin được. Sau khi mua điện thoại từ T, Đ không sử dụng được vì điện thoại bị khóa. Đến khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của T thì Đ đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTTHS ngày 06/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: Giá trị tài sản định giá đối với 01 (một) Điện thoại di động IPHONE 7 PLUS, số IMEI: 355349081038467 là **9.093.000 đồng.**

Cáo trạng số 42/QĐ-VKS, ngày 04/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Lê Minh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa**,** kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trần Lê Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Lê Minh T

từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có yêu cầu bồi thường gì khác; nên không đề nghị xem xét.

Truy thu bị cáo Trần Lê Minh T số tiền 1.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí: Bị cáo Trần Lê Minh T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Lê Minh T 06 tháng tù, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Lê Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ xác định bị cáo Trần Lê Minh T là người có đủ khả năng hiểu biết và điều khiển hành vi của bị cáo. Nhưng với mục đích có tiền tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 12 giờ ngày 03/6/2019, bị cáo Trần Lê Minh T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen hiệu IPHONE 7 PLUS của chị Lê Thị Thanh T1 tại tiệm tạp hóa " A" ở thôn G, xã U, huyện Q. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTTHS ngày 06/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS mà bị cáo T trộm cắp có giá trị là 9.093.000 đồng.

Tại sổ hộ khẩu gia đình và giấy khai sinh thể hiện Trần Lê Minh T, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2003. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, do có sự mâu thuẫn về ngày, tháng sinh của Trần Lê Minh T, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Q đã trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng giám định xác định chính xác tuổi của Trần Lê Minh T. Tại Bản kết luận giám định pháp y độ tuổi số 776/C09C(Đ5) của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: "*Căn cứ sự phát triển thể chất, sự cốt hóa của các xương tay, chân và khung chậu, khám chuyên khoa và xét nghiệm, xác định độ tuổi của Trần Lê Minh T tại thời điểm*

giám định (tháng 7 năm 2019) là: Từ 16 năm 9 tháng đến 17 năm 3 tháng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Lê Minh T, sinh ngày 24 tháng 05 năm 2003 (theo sổ hộ khẩu gia đình và giấy khai sinh) và tại thời điểm phạm tội ngày 03/6/2019 thì T đã được 16 tuổi 10 ngày, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận giám định pháp y độ tuổi số 776/C09C(Đ5) của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Lê Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Lê Minh T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông Nguyễn Văn L (chồng của bà Trần Thị Minh C) được công nhận liệt sĩ, nên cần áp dụng điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xét xử đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Hội đồng xét xử cũng xét thấy:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên 16 tuổi 10 ngày; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo; giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Đối với bà Trần Thị Minh C không biết việc bị cáo T trộm cắp điện thoại, nên không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T. Đồng thời, bà C không nhớ rõ việc bị cáo T đưa số tiền 800.000 đồng. Do đó, Cơ quan điều tra công an huyện Q không xem xét xử lý đối với hành vi của bà C là phù hợp.

[7] Đối với anh Nguyễn Đ đã mua chiếc điện thoại di động do bị cáo T đem bán, nhưng khi mua điện thoại anh Đ hoàn toàn không biết đây là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có, nên hành vi của Nguyễn Đ không đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp tài sản hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[8] Về phần dân sự: Người bị hại chị Lê Thị Thanh T1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đ không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận của anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động cảm ứng màu đen, loại điện thoại IPHONE 7 PLUS, còn nguyên vẹn, đang sử dụng bình thường, có số IMEI: 355349081038467, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Thanh T1 là đúng quy định pháp luật.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo T có được là do bán điện thoại trộm cắp được mà có, nên tuyên truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Lê Minh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều 101; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1- Tuyên bố: Bị cáo Trần Lê Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2- Xử phạt bị cáo Trần Lê Minh T **06** (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án ngày 11/11/2019.

Giao bị cáo Trần Lê Minh T cho Ủy ban nhân dân xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3- Về xử lý vật chứng:

Truy thu của bị cáo Trần Lê Minh T nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) do bị cáo T phạm tội mà có.

4- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Lê Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người đại diện, người bào chữa, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan THAHS CA huyện Q;
- Nhà tạm giữ CA huyện Q;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Q;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Trần Thị Thi Thơ